

Số: 1338/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 03 tháng 6 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH đầu tư và thương mại Vũ Minh ngày 04 tháng 4 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 392/TTr-TNMT ngày 31 tháng 5 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH đầu tư và thương mại Vũ Minh, địa chỉ tại Số 152, phố Hoàng Văn Thái, phường Phương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh và cho thuê nhà xưởng Vũ Minh tại Cụm công nghiệp Hưng Thịnh, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Cơ sở sản xuất kinh doanh và cho thuê nhà xưởng Vũ Minh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Hưng Thịnh, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0101497500, do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/3/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/01/2019; Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Quyết

định chủ trương đầu tư Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh và cho thuê nhà xưởng Vũ Minh (điều chỉnh lần thứ nhất từ Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh Vũ Minh).

1.4. Mã số thuế: 0101497500.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bàn chải đánh răng; phân phối mỹ phẩm (*son, phấn trang điểm, sữa rửa mặt, sữa tắm, dầu gội đầu, ...*) và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích sử dụng đất 14.556,5 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất của dự án đầu tư:

+ Sản xuất bàn chải đánh răng: 750 tấn/năm.

+ Kinh doanh, phân phối mỹ phẩm (*son, phấn trang điểm, sữa rửa mặt, sữa tắm, dầu gội đầu, ...*): 500 tấn/năm.

+ Cho thuê văn phòng, nhà xưởng với tổng diện tích văn phòng, nhà xưởng cho thuê: 3.724,0 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom và xử lý nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH đầu tư và thương mại Vũ Minh

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH đầu tư và thương mại Vũ Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, UBND huyện Bình Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH đầu tư và thương mại Vũ Minh;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Bình Giang;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1338/GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhà xưởng sản xuất bàn chải đánh răng.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của đơn vị thuê nhà xưởng (do đơn vị thuê nhà xưởng chịu trách nhiệm xử lý).

- Nguồn số 03: Nước làm mát cho máy thổi tạo cán bàn chải (được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường)

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: Là dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, lưu lượng tối đa 5,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh thoát nước tưới tiêu của thôn Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Kênh thoát nước tưới tiêu của thôn Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>): X (m) = 2314925; Y(m) = 568968.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải theo đường ống PVC D48 chiều dài 167m, độ dốc i=0,2% tự chảy ra Kênh thoát nước tưới tiêu của thôn Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang (phía cổng nhà máy).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 14:2008/BTNMT mức A, giá trị C<sub>max</sub> với hệ số K = 1,2 cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5÷9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	36		
3	TSS	mg/l	60		
4	TDS	mg/l	600		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat	mg/l	7,2		
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải từ nhà vệ sinh sau bể tự hoại được thu gom cùng với nước thải từ khu vực nhà ăn bằng đường ống PVC D110 chiều dài khoảng 5m, độ dốc  $i=0,2\%$  tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

#### \* Hệ thống xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ + nước thải nhà bếp → Bể tách dầu mỡ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí - Anoxic → Bể hiếu khí - FBR → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực (bồn lọc cặn) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế hệ thống: 5m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật: bể tách dầu thể tích 2,75m<sup>3</sup>; bể gom thể tích 2,7m<sup>3</sup>; bể điều hòa thể tích 7,7 m<sup>3</sup>; bể thiếu khí thể tích 2,73 m<sup>3</sup>; bể hiếu khí thể tích 7,26 m<sup>3</sup>; bể lắng thể tích 3,87 m<sup>3</sup>; bể trung gian thể tích 3,87 m<sup>3</sup>; bể chứa bùn 01 thể tích 2,32 m<sup>3</sup>; bể chứa bùn 02 thể tích 2,13 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:
- + Viên nén clo: 0,025-0,05 kg/ngày.
- + Chế phẩm vi sinh hiếu khí: 0,0363 kg/ngày.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### 1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Biện pháp phòng ngừa:

- + Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.
- + Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Trang bị các thiết bị để kịp thời thay thế khi hỏng hóc như: 01 bơm bể gom công suất 150w, 01 bơm bể hiếu khí công suất 150w, 01 bơm bể lắng công suất 150w, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy,...;

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống để đảm bảo hệ thống đường ống vận hành tốt; bể được xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn, thiết bị làm mát thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng.

- Biện pháp khắc phục:

- + Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại nhà máy hỗ trợ khắc phục sự cố.
- + Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.
- + Thay thế kịp thời các bộ phận hư hỏng.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng kể từ ngày 01/8/2024.

### 2.2. Công trình, thiết bị vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Số điểm
1	Nước thải trước xử lý tại bể gom	01
2	Nước thải sau xử lý tại điểm xả	01

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình xả thải vào Kênh thoát nước tưới tiêu của thôn Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước tiếp nhận, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.7. Công ty TNHH đầu tư và thương mại Vũ Minh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.

## Phụ lục II

# ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1338/GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực sản xuất bàn chải đánh răng.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực xử lý nước thải.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 3°	
		X(m)	Y(m)
1	Khu vực sản xuất bàn chải đánh răng	2314694	569140
2	Khu vực xử lý nước thải	2314638	569105

#### 3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

##### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị, chống mòn các chi tiết quay, gây ồn
- Chi tiết hỏng do mòn, rỉ sẽ được thay thế kịp thời.
- Chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 - 6 tháng/lần, thiết bị cũ là 3 tháng/lần.
- Đối với người lao động được trang bị các thiết bị và dụng cụ giảm âm chống tiếng ồn cá nhân nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động...).
- Tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân, đề ra chế độ làm việc, bồi dưỡng thích hợp với công nhân thường xuyên phải tiếp xúc trực tiếp với những nguồn phát sinh tiếng ồn.
- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh khu vực nhà máy làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn và tạo cảnh quan môi trường.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục III**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1338/GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Rắn/Lỏng	60	17 02 03
3	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	15	18 01 01
4	Bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	20	18 01 03
5	Pin và ắc quy thải	Rắn	2	19 06 01
6	Giẻ lau, chất hấp thụ, găng tay, vật liệu nhiễm TPNH (dầu mỡ,...)	Rắn	80	18 02 01
<b>Tổng</b>			<b>182</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh**

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)	Mã chất thải
1	Giấy và bao bì giấy, bìa các tông thải	Rắn	5,5	18 01 05
2	Bao bì nilon rách, hỏng	Rắn	0,24	18 01 06
3	Bavia, các mảnh phế liệu và sản phẩm lỗi ( <i>quá trình sản xuất bàn chải đánh răng</i> )	Rắn	7,54	19 03 03
4	Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải; bể phốt; hệ thống thu gom nước mưa	Rắn	6,0	12 06 13
<b>Tổng</b>			<b>19,28</b>	

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 9,36 tấn/năm.**

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, được dán tên, mã CTNH với dung tích 60-120 lít/thùng.

- Kho chứa chất thải nguy hại: diện tích 20m<sup>2</sup>; kết cấu nền bê tông, mái tôn, tường xây gạch cao 1m, thưng tôn cao 2m. Kho bố trí các biển báo, thiết bị PCCC theo quy định. Định kỳ 06 tháng/lần Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường**

- Các loại chất thải tái chế được thu gom tại cuối mỗi khu vực sản xuất (*cạnh khu vực chứa nguyên liệu và thành phẩm*). Cuối ngày đội thu gom rác có trách nhiệm thu gom về khu chứa rác để lưu giữ tạm thời và định kỳ bán cho các đơn vị tái chế.

- Bố trí khu vực chứa rác thải sản xuất thông thường có diện tích 20m<sup>2</sup>, nền đổ bê tông, tường xây gạch cao 1m, trên thưng tôn, mái lợp tôn.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Định kỳ 6 tháng/lần, Công ty thuê đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải đi xử lý.

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa: Định kỳ 1 năm/lần, Công ty thuê đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

- Bố trí 1 thùng nhựa loại 100 lít/thùng tại khu vực nhà ăn ca. Ngoài ra còn trang bị 05 thùng rác nhỏ có dung tích 12 lít/thùng đặt tại các khu vực làm việc văn phòng và các khu vực sản xuất trong nhà xưởng.

- Kho lưu chứa: diện tích 10m<sup>2</sup>, kết cấu nền bê tông, mái tôn, tường xây gạch cao 1m, thưng tôn cao 2m, được bố trí cuối nhà xưởng sản xuất bàn chải đánh răng.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.**

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố tại kho chứa chất thải nguy hại và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## Phụ lục IV

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1338/GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận và đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Hưng Thịnh khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp đi vào vận hành.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.